TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/HS-ST
Ngày 06-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Thanh Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Đông và ông Vũ Đình Mạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị May - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Vũ Văn V**, sinh năm 1994 tại xã R, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn A, xã R, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn A (đã chết) và bà Vũ Thị A1; Tiền án: 02 tiền án: Bản án số 89/2016/HSST ngày 07/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử 01 năm tù về hành vi Trộm cắp tài sản, V chấp hành xong án phạt tù ngày 22/3/2017 (tài sản trộm cắp trị giá 6.100.000 đồng). Bản án số 13/2018/HSST ngày 14/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xử 18 tháng tù về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy (V phạm tội ngày 06/12/2017), chấp hành xong án phạt tù ngày 06/5/2019; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 26/10/2019 đến ngày 01/11/2019 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. **Nguyễn Tuấn A (tên gọi khác: T)**, sinh năm 1983 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi ĐKHKTT: phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị B1 (đã chết); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ-XPHC ngày 27/12/2013 của Công an huyện Thanh Miện, xử phạt 1.000.000 đồng, về hành vi

Đánh bạc, ngày 03/01/2014 Tuấn A đã nộp phạt. Ngày 03/6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử 11 tháng tù về hành vi Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 3.000.000 đồng), Tuấn A chấp hành xong án phạt tù ngày 05/12/2016, chấp hành án phí 200.000 đồng ngày 27/9/2016; bị tạm giữ từ ngày 06/12/2019 đến ngày 15/12/2019 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. **Nguyễn Đăng H (tên gọi khác: N)**, sinh năm 1987 tại xã T, huyện Â, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Â, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng C và bà Nguyễn Thị C1; có vợ là Hoàng Thị C2 và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 27/10/2019 đến ngày 01/11/2019 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Đăng H: Ông Phạm Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Đỗ Thị Vân A, sinh năm 1988 và anh Đoàn Văn M, sinh năm 1986 (anh M là chồng chị Vân A, ủy quyền cho chị Vân A tham gia tố tụng); Đều có nơi cư trú: phố H, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Đào Duy K, sinh năm 1960 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1962 (bà L là vợ ông K, ủy quyền cho ông K tham gia tố tụng); Đều có nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Nguyễn Văn F, sinh năm 1993 và chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1995 (chị N là vợ anh L, ủy quyền cho anh L tham gia tố tụng); Đều có nơi cư trú: thôn P, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Dương Thị Z, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Khu H, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Những người bị hại đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương;

+ Anh Vũ Xuân C, sinh năm 1987; Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương;

+ Chị Đinh Thị H, sinh năm 1997; Nơi cư trú: thôn Q, thị trấn Â, huyện Â, tỉnh Hưng Yên;

+ Anh Đặng Đình N, sinh năm 1996; Nơi cư trú: thôn Q, thị trấn Â, huyện Â, tỉnh Hưng Yên;

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt)

- Người làm chứng:

Anh Đặng Đình D, sinh năm 1998; Nơi cư trú: thôn N, xã P, huyện Â, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn V, Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Đăng H là bạn, trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2019, V, Tuấn A và H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện B, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ, ngày 07/10/2019, Nguyễn Tuấn A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn vàng (xe của Tuấn A, không xác định được Biển kiểm soát) từ nhà ở thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương đến thôn A, xã T, huyện T rủ Vũ Văn V đến thị trấn K, huyện B để mua ma túy sử dụng. Đến khoảng hơn 09 giờ cùng ngày, trên đường đi về huyện T, V rủ Tuấn A "anh em mình đi chợ đi" nghĩa là đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, Tuấn A đồng ý. Tuấn A chở V đi đến địa phận thôn N, xã B, huyện B, thấy trước cửa hàng tạp hóa của gia đình ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974 dựng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirus, màu sơn trắng xám, biển kiểm soát 34P9-13xx của chị Đỗ Thị Vân A. Tuấn A dừng xe, cả hai quan sát thấy không có người trông coi, V lấy vam phá khóa hình chữ T được chuẩn bị từ trước, mở khóa điện, ngồi lên xe nổ máy và điều khiển xe theo hướng ngã tư thôn M, xã T đi về nhà V, Tuấn A điều khiển xe theo phía sau V rồi đi về nhà Tuấn A. Ngày 08/10/2019 Tuấn A đến gặp V lấy chiếc xe máy trộm cắp được của chị Vân A để làm phương tiện đi lại, quá trình sử dụng Tuấn A tháo biển kiểm soát và yếm xe vứt đi. Khoảng 10 ngày sau, Tuấn A điều khiển xe đến nhà anh Nguyễn Văn T hỏi vay 1.500.000 đồng và gửi lại xe tại đó, Tuấn A đã tiêu xài hết số tiền trên. Ngày 08/12/2019 chị Vân A có đơn trình báo về nội dung mất xe. Ngày 08/12/2019 anh T tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Giang. Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 16/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Giang kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn trắng xám, BKS 34P9-13xx, trị giá 4.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Hồi 07 giờ ngày 14/10/2019, Tuấn A điều khiển xe mô tô BKS 34P9-13xx (trộm cắp của chị Vân A ngày 07/10/2019) chở V đến Thị trấn K, huyện B, để mua ma túy sử dụng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, V rủ Tuấn A đi trộm cắp tài sản, Tuấn A đồng ý. V điều khiển xe chở Tuấn A đi đến xưởng cơ khí của gia đình anh Vũ Xuân Đ ở thôn M, xã T, huyện B, thấy trước cửa xưởng dựng xe mô tô Honda Dream, màu nâu BKS 34F3-47xx của gia đình bà Vũ Thị L (đăng ký xe tên ông Đào Duy K là chồng bà L). Quan sát thấy không có người trông coi, Tuấn A lấy vam phá khóa được chuẩn bị từ trước, mở khóa điện rồi nổ máy điều

khiển quay lại ngã tư thôn Mộ T, xã T đi về xã T, huyện T. Sau đó Tuấn A đổi xe cho V rồi đi về nhà. V điều khiển xe vừa trộm cắp được đến quán sửa xe của anh Vũ Xuân C ở thôn L, xã T, huyện T bán cho anh C với giá 4.000.000 đồng. V cùng Tuấn A đã tiêu xài hết số tiền trên. Ngày 14/10/2019 bà L có đơn trình báo về việc mất xe. Ngày 25/10/2019 anh C đã giao nộp lại chiếc xe trên cho Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Giang. Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 23/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Giang, kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, BKS 34F3-47xx, trị giá 8.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 09 giờ, ngày 17/10/2019, Nguyễn Đăng H điều khiển xe mô tô Honda Dream, gắn BKS 89F4-24xx (là xe do V và H trộm cắp của ông Bùi Hùng C ở thôn P, xã C, huyện C ngày 05/10/2019) đến thị trấn K, huyện B thì gặp V. V rủ H đi trộm cắp tài sản, H đồng ý. V điều khiển xe chở H đi đến thôn M, xã V, huyện B thấy bên phải đường Tỉnh lộ 395, trước cửa nhà anh Nguyễn Huy T dựng xe mô tô Honda Wave Alpha, màu sơn đỏ đen, BKS 34B2-128.xx của anh Nguyễn Văn F. Quan sát thấy không có người trông coi H lấy vam phá khóa mở khóa điện rồi nổ máy điều khiển xe về hướng thôn C, xã L, huyện B, V điều khiển xe đi theo phía sau. Khi đi đến địa phận thành phố Hải Dương thì dừng lại, lúc này H mở cốp xe thấy có 01 chiếc ví màu vàng bên trong có đăng ký xe, giấy phép lái xe, chứng minh nhân dân và thẻ ATM đều mang tên Nguyễn Văn F. H giữ lại đăng ký xe, còn chiếc ví và các giấy tờ khác vứt ở rìa đường Quốc lộ 5A. Sau đó H và V đi đến ngã 4 Q, quận H, Tp Hải Phòng do vi phạm luật giao thông đường bộ nên bị tổ tuần tra Cảnh sát giao thông công an Quận Hồng Bàng, Tp Hải Phòng dừng xe kiểm tra, thu giữ xe mô tô BKS 34B2-128.xx cùng đăng ký xe do H điều khiển và xe mô tô Honda Dream, gắn BKS 89F4 – 24xx do V điều khiển. Ngày 17/10/2019 anh F có đơn trình báo mất xe. Ngày 28/10/2019 Cảnh sát giao thông công an Quận Hồng Bàng, Tp Hải Phòng bàn giao lại phương tiện đã thu giữ của V, H cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang để giải quyết theo thẩm quyền. Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐG ngày 23/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Giang, kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha, màu đỏ đen, BKS 34B2-128.xx, trị giá 7.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 03/12/2019, Tuấn A đi bộ trên đường Â, thuộc khu H, trị trấn K, huyện B, nhìn thấy trước cửa quán Spa Bluesea ở đường Â dựng xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn vàng đen, BKS 34B3-995.xx của chị Dương Thị Z (chủ quán Spa) chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa, Tuấn A nảy sinh ý định trộm cắp. Tuấn A tiếp tục đi qua vị trí để xe khoảng 30m, quan sát không có người trông coi nên quay lại, mở khóa điện, nổ máy rồi điều khiển xe chạy về khu vực xã T, huyện Â, tỉnh Hưng Yên thì gặp anh Đặng Đình D (là bạn của Tuấn A). Tuấn A nhờ D bán hộ xe, D đồng ý. D dẫn Tuấn A đến gặp và bán xe cho chị

Đinh Thị H với giá 5.300.000 đồng. Khi trao đổi bán xe cho chị H, Tuấn A nói là xe của Tuấn A, giấy tờ xe bị mất. Sau khi bán xe Tuấn A cho D 1.500.000 đồng còn lại 3.800.000 đồng Tuấn A tiêu xài cá nhân hết. Cùng ngày chị H có đơn trình báo về nội dung mất xe, đến ngày 06/12/2019 Tuấn A đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang tự thú về hành vi trộm cắp tài sản của mình. Ngày 06/12/2019 anh Đặng Đình N là chồng chị H tự nguyện giao nộp chiếc xe trên, ngày 25/12/2019 anh D giao nộp 1.500.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang. Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 10/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Giang, kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu vàng đen, BKS 34B3-995.xx, trị giá 27.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 10/CT-VKS ngày 07-02-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo Vũ Văn V về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS); truy tố các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Đăng H về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

- Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, xác định VKSND huyện Bình Giang truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như bản Cáo trạng đã nêu là có căn cứ.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đăng H xác định hành vi phạm tội của bị cáo như Cáo trạng của VKSND huyện Bình Giang đã mô tả. Nhất trí với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như đại diện VKS đã xác định. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp, từ 7 đến 9 tháng tù để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo thành công dân tốt.

- Đại diện VKSND huyện Bình Giang giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 (đầu thú) Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Vũ Văn V; xử phạt Vũ Văn V từ 29 đến 32 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Tuấn A; xử phạt Nguyễn Tuấn A từ 28 đến 31 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Đăng H; xử phạt Nguyễn Đăng H từ 9 đến 12 tháng tù.

Áp dụng Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Tịch thu tiêu huỷ một vam phá khóa hình chữ "T", kích thước (0,8x11). Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.500.000 đồng anh Đặng Đình D giao nộp cho Cơ quan điều tra. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 500.000 đồng của bị cáo Nguyễn Tuấn A, đây là tiền do

bị cáo bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu vàng Tuấn A sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp ngày 07/10/2019.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Đăng H. Buộc các bị cáo Vũ Văn V, Nguyễn Tuấn A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 07/10/2019 đến ngày 03/12/2019, lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu, Vũ Văn V, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Đăng H sử dụng phương tiện, công cụ là xe mô tô, vam phá khóa lén lút chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 46.500.000 đồng, cụ thể: Ngày 07/10/2019 tại thôn N, xã B, huyện B, Vũ Văn V và Nguyễn Tuấn A đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô Yamaha Sirus BKS 34P9-13xx trị giá 4.000.000 đồng của chị Đỗ Thị Vân A. Ngày 14/10/2019 tại thôn M, xã T, huyện B, Vũ Văn V và Nguyễn Tuấn A đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô Honda Dream BKS 34F3-47xx, trị giá 8.000.000 đồng của gia đình bà Vũ Thị L. Ngày 17/10/2019 tại thôn M, xã V, huyện B, Vũ Văn V và Nguyễn Đăng H đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô Honda Wave anpha BKS 34B2-128.xx, trị giá 7.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn F và ngày 03/12/2019 tại trước cửa quán Spa Blusea của chị Dương Thị Z ở đường Â, thuộc Khu H, thị trấn K, huyện B, Nguyễn Tuấn A đã trộm cắp xe mô tô Honda Airblade, BKS 34B3-995.xx trị giá 27.500.000 đồng của chị H.

[3] Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lợi dụng sự mất cảnh giác của chủ sở hữu, người quản lý tài sản, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của họ, xâm phạm đến quan hệ sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nên hành vi các bị cáo thực hiện đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của BLHS. Bị cáo V ba lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 19.000.000 đồng, tuy nhiên bị cáo V đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần

phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; bị cáo Tuấn A ba lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 39.500.000 đồng; bị cáo H một lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với trị giá tài sản chiếm đoạt là 7.000.000 đồng. Vì vậy, VKSND huyện Bình Giang truy tố bị cáo Vũ Văn V theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Đăng H theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo V là người rủ rê Tuấn A và H thực hiện hành vi trộm cắp trong vụ thứ nhất, thứ hai và thứ ba, đồng thời V là người thực hành trong vụ thứ nhất nên V giữ vai trò đầu tiên. Nguyễn Tuấn A là người thực hành trong vụ thứ hai, thứ tư, đồng thời là người giúp sức trong vụ thứ nhất nên Tuấn A giữ vai trò thứ hai. Nguyễn Đăng H là người thực hành trong vụ thứ ba nên H giữ vai trò sau cùng.

[5] Xét tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo V là người có nhiều tiền án, bị cáo Tuấn A là người có nhân thân không tốt, các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy; Bị cáo V và Tuấn A ba lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trị giá tài sản chiếm đoạt mỗi lần trên 2.000.000 đồng nên V và Tuấn A phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; Bị cáo V sau khi thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 17/10/2019 và Tuấn A sau khi thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 03/12/2019 đã đến Công an huyện Bình Giang tự thú về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS; Bị cáo V trộm cắp tài sản trị giá dưới 50.000.000 đồng nhưng bị truy tố theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS với tình tiết định khung "Tái phạm nguy hiểm" nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS; Bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

[6] Căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải buộc các bị cáo cách ly xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Anh Nguyễn Văn T, anh Vũ Xuân C, chị Đinh Thị H, anh Đặng Đình N, anh Đặng Đình D khi cho các bị cáo gửi, mua, bán xe mà các bị cáo trộm cắp được

đều không biết nguồn gốc tài sản là do các bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đều đã nhận lại tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với số tiền 1.500.000 Tuấn A vay của anh T, 4.000.000 đồng anh C mua xe của V, 5.300.000 đồng anh N và chị H mua xe của Tuấn A: anh T, anh C, anh N và chị H đều tự nguyện cho Tuấn A và V, không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền trên; việc tự nguyện nêu trên của anh T, anh C, anh N và chị H phù hợp với quy định tại Điều 194 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô Yamaha Sirius BKS 34P9-13xx; xe mô tô Honda Dream BKS 34F3-47xx; xe mô tô Honda Wave anpha BKS 34B2-128.xx cùng đăng ký xe; xe mô tô Honda Airblade BKS 34B3-995.xx lần lượt là tài sản hợp pháp của chị Đỗ Thị Vân A, gia đình bà Vũ Thị L, anh Nguyễn Văn F, chị Dương Thị Z, Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho chủ sở hữu là phù hợp pháp luật. Đối với 01 vam phá khóa hình chữ "T", kích thước (0,8x11) cm là công cụ phạm tội của bị cáo H, cần tịch thu cho tiêu hủy. Đối với số tiền 1.500.000 đồng anh D giao nộp cho Cơ quan điều tra, đây là số tiền do bị cáo Tuấn A phạm tội mà có nên cần bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu vàng Tuấn A sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp ngày 07/10/2019, quá trình điều tra Tuấn A khai sau khi thực hiện hành vi trộm cắp Tuấn A đã bán cho người đàn ông không quen biết ở Thành phố Hải Phòng với giá 500.000 đồng, Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không có căn cứ xử lý đối với chiếc xe nhưng với số tiền 500.000 đồng là tiền bị cáo Tuấn A bán xe (phương tiện dùng vào việc phạm tội) mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với hai chiếc vam phá khóa, V, Tuấn A sử dụng để đi trộm cắp ngày 07/10/2019 và ngày 14/10/2019; BKS 34P9-13xx và yếm xe của chị Vân A; 01 ví, bằng lái xe, chứng minh nhân dân và thẻ ATM đều mang tên Nguyễn Văn F, sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã vứt đi, Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không có căn cứ xử lý.

[11] Về án phí: Do Nguyễn Đăng H thuộc diện hộ nghèo theo quy định, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm; Vũ Văn V, Nguyễn Tuấn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 194 Bộ luật dân sự. Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Vũ Văn V.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 194 Bộ luật dân sự. Luật phí và lệ phí năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Tuấn A.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Đăng H.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Văn V, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Đăng H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Xử phạt:

- Bị cáo Vũ Văn V 29 (*Hai mươi chín*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/10/2019.

- Bị cáo Nguyễn Tuấn A 26 (*Hai mươi sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 06/12/2019.

- Bị cáo Nguyễn Đăng H 07 (*Bảy*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 27/10/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T cho bị cáo Nguyễn Tuấn A số tiền 1.500.000^{đ}; anh Vũ Xuân C cho bị cáo Vũ Văn V số tiền 4.000.000^{đ}; chị Đinh Thị H, anh Đặng Đình N cho bị cáo Nguyễn Tuấn A số tiền 5.300.000^{đ}.

4. Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ một vam phá khóa hình chữ "T", kích thước (0,8x11) cm. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.500.000^{đ} (một triệu năm trăm nghìn đồng) anh Đặng Đình D giao nộp cho Cơ quan điều tra. *(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang).* Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 500.000^{đ} (năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Tuấn A.

5. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Đăng H. Bị cáo Vũ Văn V, Nguyễn Tuấn A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. **Về quyền kháng cáo**: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án

có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam – CA tỉnh Hải Dương;
- VSKND huyện Bình Giang;
- CCTHADS huyện Bình Giang;
- CQ THAHS huyện Bình Giang;
- Bị cáo; người bào chữa cho bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu HS; Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thanh Nam